

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2022/DS-PT

Ngày: 05/12/2022

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Vân.

*Các thẩm phán:*

Ông Hồ Văn Cường;

Ông Nguyễn Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 303/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Chị Trần Thị Mộng S, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp P, xã Suối Đ, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

1.2. Anh Trần Đức Tr, sinh năm 1973; vắng mặt.

1.3. Anh Trần Công Kh, sinh năm 1975; vắng mặt.

1.4. Chị Trần Thị Thu Tr1, sinh năm 1984; có mặt.

1.5. Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng trú tại: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

1.6. Chị Trần Thị Lệ H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

1.7. Chị Trần Thị Mộng Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp Ng, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

1.8. Chị Trần Thị Mộng Đ1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

1.9. Chị Trần Thị My N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp Phước Lợi 1, xã Suối Đ, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

1.10. Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp Th1, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn các chị S, Tr1, H, H1, Đ, Đ1, N, các anh Tr, Kh:* Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp Th1, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền ngày 20/02/2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Thủy T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp L1, xã L1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Huỳnh Thành S1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp L1, xã L1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Các nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 của các nguyên đơn, bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Thị Kim H ngày 12/6/2020, đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H trình bày:*

Nguyên cha mẹ của các anh chị em của chị và chị là ông Trần Văn V1 (chết ngày 2015) và bà Nguyễn Thị L2 (chết 1995) có 01 phần đất có diện tích 886 m<sup>2</sup>, tại thửa số 864, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Ấp L1, xã L1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W004617, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04964 QSDĐ/344/QĐ-CT, do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Trần

Văn V1 ngày 28/11/2002, có hướng Đông giáp đường Trần Phú dài 24 m, hướng Bắc giáp đất chị Huỳnh Thị Thủy T (trước đây là đất của ông Huỳnh Thành V2). Hiện trạng là đất trống, cụ Vân có cắm trụ phân ranh.

Sau khi cụ Vân chết anh chị em của chị và chị thống nhất sẽ tách thửa, nhưng do không có ai ở trên đất nên khi đo đạc để tách thửa thì phát hiện đất bị lấn, cụ thể là chị T là chủ đất giáp ranh (trước đây là đất của ông Huỳnh Thành V2) đã lấn sang làm cho phần đất hướng Đông giáp đường Trần Phú đăng ký là 24 m, nay chỉ còn 22,54 m, hướng Tây giáp đường xe bò đăng ký là 24 m, nay chỉ còn 22,85 m.

Nay anh chị em của chị và chị yêu cầu chị T trả lại phần diện tích đã lấn để cho đất của gia đình chị đủ 24 m chiều ngang mặt tiền và mặt hậu. Các anh chị em của chị và chị thống nhất với Biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 05/5/2022.

*Bị đơn chị Huỳnh Thị Thủy T trình bày:*

Nguyên vào năm 2013, chị có nhận chuyển nhượng 01 phần đất từ chú ruột là ông Huỳnh Thành S1, tại thửa số 318, tờ bản đồ số 23, diện tích 139 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Ấp L1, xã L1, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh và ngày 04/11/2013, chị đã được Ủy ban nhân dân, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích nêu trên.

Nay chị không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì chị không có lấn đất của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thành S1 trình bày:*

Nguyên anh có nhận tặng cho 01 phần đất từ cha ruột của anh là ông Huỳnh Thành V2, tại thửa số 318, tờ bản đồ số 23, diện tích 139 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Ấp L1, xã L1, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Vào năm 2013, anh đã chuyển nhượng phần đất này cho chị Huỳnh Thị Thủy T. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân Thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Tuyên xử:*

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 100; Điều 166; Điều 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị

Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lê H1, chị Trần Thị Kim H đối với chị Huỳnh Thị Thủy T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/9/2022, các đồng nguyên đơn có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Hoàng đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân Thị xã H, tỉnh Tây Ninh về án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Thủy T, anh Huỳnh Thành S1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Sáng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của các nguyên đơn, thấy rằng: Trước năm 1971 gia đình ông Huỳnh Thanh Văn (Dẫn) và gia đình ông Trịnh Văn Trí được Tòa Thánh cấp tạm cho mỗi gia đình một phần đất diện tích ngang 22,5m x dài 30m. Năm 1971, ông V2 và ông Trí được Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh hợp pháp hóa quyền sử dụng đất. Gia đình ông V2 tiếp tục sử dụng đất. Còn gia đình ông Trí chuyển nhượng cho ông Trần Văn V1 vào năm 1972.

[2.1] Ngày 08/12/1993, ông V2 (Dẫn) được UBND huyện H (nay là UBND thị xã H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích  $589\text{m}^2$ , thửa 675, tờ bản đồ số 02. Ngày 28/11/2002, ông V2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích  $886\text{m}^2$ , thửa 864, tờ bản đồ số 02 (theo sơ đồ diện tích ngang 24m).

Đến năm 2003, ông V2 chết, vợ ông V2 bà Lê Thị Rẻo muốn chia đất cho các con nên yêu cầu phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xuống đo đạc để tách thửa. Theo biên bản kiểm tra thực địa đất ngày 22/11/2007 (BL: 111) thì phần đất ông V2 được cấp diện tích  $589\text{m}^2$  nhưng thực tế qua đo đạc  $698\text{m}^2$ , có ranh do các chủ sử dụng thỏa thuận cắm trụ xi măng rõ ràng không tranh chấp; diện tích tăng  $109\text{m}^2$  so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây cấp sai diện tích nên gia đình ông V2 điều chỉnh lại đúng hiện trạng sử dụng. Sơ đồ thửa mới được tách thành 05 thửa mỗi thửa ngang 4,5m. Ông Vân, bà Hiệp ký tên xác nhận diện tích tứ cận. Bà Rẻo làm thủ tục tặng cho 05 người con, trong đó có anh Huỳnh Thành Sang được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích  $139\text{m}^2$ , thửa 138, tờ bản đồ số 23 vào 04/7/2008 phần đất này nằm giáp ranh với đất ông Vân. Đến ngày 18/6/2013, anh Sáng ký hợp đồng chuyển nhượng cho chị Huỳnh Thị Thủy T. Ngày 04/11/2013, chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 28/01/2022 (BL: 166) thì giữa đất của ông Vân và đất ông V2 có hiện trạng là trụ xi măng, phần đất ông Vân có diện tích  $695\text{m}^2$  là giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Nhưng phần đất ông Vân có chiều ngang giáp đường Trần Phú là 22,54m, ngang sau 22,85m là phù hợp với diện tích đất ông Trí được Hội Thánh Cao Đài cấp năm 1971 sau đó chuyển nhượng cho ông Vân. Đối với phần đất ông V2 thửa 162 có chiều ngang  $21,94\text{m} + 1,46\text{m}$  đang tranh chấp là 22,5m đúng với diện tích Hội Thánh Cao Đài cấp cho ông V2 và hiện trạng đất đo đạc năm 2007 được ông Vân ký xác nhận tứ cận (BL: 111).

[2.2] Hơn nữa từ khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Trí, ông Vân và ông V2 đã thỏa thuận và cắm trụ rào xi măng làm ranh hai bên gia đình đã sử dụng từ năm 1972 cho đến nay vẫn còn (BL: 166).

Như vậy, với hiện trạng kích thước mặt tiền, mặt hậu đất hiện nay so với mặt tiền, mặt hậu đất mà Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh cấp cho ông V2, ông Vân thì có cơ sở xác định là chị T không có lần đất của các nguyên đơn. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ. Các nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch; Tòa án cấp Sơ thẩm buộc các nguyên đơn chịu án phí có giá ngạch là không đúng quy định pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản sơ thẩm phần án phí. Chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1 chị Trần Thị Kim H kháng cáo không được chấp nhận nên các nguyên đơn chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị

Trần Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 100; Điều 166; Điều 203 của Luật Đất đai; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân Thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H đối với chị Huỳnh Thị Thủy T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số: 0008520, 0008521, 0008522, 0008524, 0008525, 0008526, 0008527, 0008528, 0008529, 0008530 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H mỗi người số tiền 900.000 đồng (chín trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số: 0008520, 0008521, 0008522, 0008524, 0008525, 0008526, 0008527, 0008528, 0008529, 0008530 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

#### 4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trần Thị Mộng S, anh Trần Đức Tr, anh Trần Công Kh, chị Trần Thị Mộng Đ, chị Trần Thị Mộng Đ1, chị Trần Thị My N, chị Trần Thị Thu Tr1, chị Trần Thị Ngọc H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Trần Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ tiền án phí dân sự phúc thẩm 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo Biên lai thu số: 0020946 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND T.X H;
- Chi cục THADS T.X H;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đã ký***

**Phạm Thị Hồng Vân**